TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09/7/2020
V/v *"Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Giàng Thị Phượng;
2. Bà Đinh Thị Út;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2020/TLST - HNGĐ ngày 27/4/2020 về việc kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị T - sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản R, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh Lương Văn Đ- Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản R, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Lương Văn Đ kết hôn với nhau vào ngày 13/11/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Bảo Yên trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng anh chị luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, anh Đ không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, chơi bời cờ bạc nợ nần nhiều, anh Đ còn hay đi làm ăn nhưng không mang tiền về giúp chị trang trải sinh hoạt trong gia đình. Anh Đ còn thường hay ghen tuông vô cớ, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau thậm chí có những lần phải đưa ra công an xã để giải quyết. Mâu thuẫn đã được gia đình bạn bè khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung, cháu tên là Lương Duy L sinh ngày 02/10/2007 và cháu Lương Vĩnh Đ sinh ngày 23/3/2010. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Văn Đ: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Đ và tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Đ nhưng anh Đ không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà chị Hoàng Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Lương Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lương Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn Đ kết hôn ngày 13/11/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh Đ thường xuyên uống rượu không tu chí làm ăn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau gây mất trật tự tại địa phương. Mâu thuẫn đã được gia đình bạn bè hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Chị Hoàng Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn Đ. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Lương Duy L sinh ngày 02/10/2007 được sinh ra trong thời gian trước khi chị T và anh Đ kết hôn, nhưng tại trích lục giấy khai sinh (bút lục 09) và tại sổ hộ khẩu gia đình (bút lục 03-06) đều xác

định cháu L có bố là anh Lương Văn Đ, ngoài ra chị T và anh Đ không cung cấp chứng cứ tài liệu nào khác, do vậy xác định quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Lương Duy L sinh ngày 02/10/2007 và cháu Lương Vĩnh Đ sinh ngày 23/3/2010. Hiện nay chị Hoàng Thị T có nghề nghiệp và có mức thu nhập 5.000.000 đồng/tháng, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân các cháu vẫn ở với mẹ, các cháu Lương Duy L và Lương Vĩnh Đ có nguyện vọng được ở với chị T. Do vậy cần giao cả hai cháu Lương Duy L và cháu Lương Vĩnh Đ cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Tạm thời anh Lương Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Duy L sinh ngày 02/10/2007 và cháu Lương Vĩnh Đ sinh ngày 23/3/2010 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lương Văn Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3.Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001763 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện B;
- UBND xã N;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh